

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 06/5/2019.

(V/v xin ly hôn).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 06 tháng 5 năm 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

**/ Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Thêm và ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Vân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2019/LHST – HNGĐ ngày 15/3/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/2019/TB-TA ngày 25/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Như G, sinh năm 1971.

Đều đăng ký HKTT và trú tại: thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên. *(Đều có mặt tại phiên tòa).*

3. Những người làm chứng:

3.1. Anh Nguyễn Như L, sinh năm 1993;

3.2. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1941;

3.3. Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1981;

3.4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;

3.5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1969.

Đều đăng ký HKTT và trú tại: thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên. *(Đều vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/3/2019; bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Như G, sinh năm 1971 là người ở cùng thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở cả hai bên đều được tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã B - huyện K, vào ngày 04/01/1991.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị được cho ra ăn riêng, ở riêng tại địa phương thôn A, xã B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, cũng có những

xung đột nhưng không đến mức trầm trọng, mặc dù vậy từ năm 2012 trở về trước cũng đã có lần chị T viết đơn xin ly hôn anh G nhưng anh G không đồng ý mà xé bỏ đơn đi nên chị cũng thôi. Tuy nhiên, đến khoảng đầu năm 2017 thì mâu thuẫn giữa chị T và anh G trở nên nghiêm trọng. Nguyên nhân là do anh G là người cục cằn, thô lỗ cứ đi thì chửi về đến nhà lại chửi vợ đi theo trai, chửi riếc vợ là “Con chó”. Từ đầu năm 2018, thì anh G thường xuyên dí dao vào cổ và chửi chị là “Đi đánh đĩ mà không mang được tiền về nhà” nhưng vì con cháu chị cũng đã bỏ qua không chấp anh G mà sống cho qua ngày theo kiểu cơm ai người đó ăn, việc ai người đó làm nhưng cũng không xong, đỉnh điểm là vào ngày 26/10/2018 (âm lịch) chẳng vì lý do gì mà anh G vác búa đình kháo ngay vào đầu chị khiến chị T phải đi viện cấp cứu khâu 9 mũi trên trán hiện vẫn còn vết tích. Chị T đã có đơn gửi công an xã và công an huyện nhưng vì không muốn rắc rối về sau nên chị đã rút đơn về. Ngoài ra, chị T thừa nhận chị làm nghề bói toán từ năm 2010 nhưng chị không hề làm ảnh hưởng gì đến cuộc sống gia đình. Kể từ tháng 3/2018 chị T đã ly thân với anh G, không quan hệ tình cảm, sinh lý cũng như bàn bạc gì với anh G, nhưng đến tháng 9/2018 thì chị mới bỏ nhà sang nhà em trai là anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1981 ở thôn A, xã B sinh sống để tránh vợ chồng xảy ra xô xát, sung đột với nhau. Quá trình chị T sang sống tại nhà em trai chị T thì anh G không hề có thiện chí muốn cải thiện tình cảm vợ chồng, không hề xuống thăm, cũng như đón chị về. Thậm chí nếu chị có việc phải về nhà thì còn bị anh G đe dọa cấm đoán chị không được về. Hiện nay, mặc dù đã sống ly thân, khác nhà với anh G nhưng anh G vẫn thường xuyên gọi điện thoại cho chị để chửi bới, đe dọa giết chị khiến cho chị luôn lo lắng không yên thân nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh G được ly hôn nhau càng sớm càng tốt để giải thoát khỏi cuộc hôn nhân không có hạnh phúc và để sớm ổn định cuộc sống.

Bị đơn anh Nguyễn Như G trình bày tại biên bản ghi lời khai vào ngày 15/3/2019 và tại phiên tòa như sau: Anh G thừa nhận hoàn cảnh và nơi đăng ký kết hôn, thời điểm mâu thuẫn và sống ly thân như chị T đã khai là đúng. Theo anh nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị T là người đồng bóng làm nghề bói toán coi thường, khinh rẻ chồng không ra gì. Tất cả mọi việc trong gia đình đều do anh lo toan quán xuyến, ngoài việc bói toán thì chị T không làm bất cứ việc gì. Kể từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì chị T đối xử với người thân trong gia đình không ra gì, nói mẹ chồng là “Ăn cháo đá bát”, gọi chồng là “Thằng mặt L, thằng chó” thậm chí còn tuyên bố là sẽ làm cho cả họ nhà anh chết hết. Từ tháng 3/2018 cho đến nay thì, công việc nhà chị T thì chị T lo, công việc nhà anh thì anh lo, giữa anh và chị T không có gì liên quan gì đến nhau. Anh G cũng thừa nhận là từ thời điểm vợ chồng ly thân nhau cho đến nay thì anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T, nên chị T bỏ đi ở chỗ khác anh G cũng không quan tâm, không gọi chị về. Ngoài ra anh G cũng thừa nhận có lần anh dùng búa đình đập vào đầu chị T khiến vợ anh phải đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện nhưng không phải vô duyên, vô cớ như chị T trình bày mà do chị T có thái độ hỗn láo với anh và gia đình anh nên anh mới làm vậy. Mặc dù không còn tình cảm yêu thương với chị T nhưng anh G không đồng ý ly hôn với chị T vì chị T làm nghề bói toán, anh G lo sợ rằng ly hôn xong chị T sẽ cúng cho cả họ nhà anh

chết hết. Anh G không muốn ly hôn với chị T là vì còn muốn kiểm soát hành động của chị T chứ nếu chị T không hành nghề thầy bói thì với cách ăn ở, cư xử như của chị đối với anh và gia đình anh thì chính anh G đã bỏ chị T từ lâu rồi chứ không đến lượt chị T bỏ anh. Trường hợp, chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh G đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung. Con lớn là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 26/8/1991 và con thứ hai là Nguyễn Như L, sinh ngày 24/9/1993. Hiện cả hai người con đều đã khôn lớn, trưởng thành, tự lập được, không còn phụ thuộc vào bố mẹ, có gia đình riêng. Do vậy, chị T, anh G đều không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T và anh G đều khẳng định vợ chồng không nợ ai, không có tiền cho ai vay, không liên quan nên không yêu cầu tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, ruộng canh tác nông nghiệp và công sức đóng góp, xây dựng đối với hai bên gia đình: Chị T và anh G đều có quan điểm vợ chồng tự thỏa thuận, giải quyết với nhau, không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Như G.

- Bị đơn anh Nguyễn Như G trình bày: Mặc dù anh G không còn tình cảm với chị T nhưng anh không nhất trí ly hôn vì anh lo sợ chị T sẽ cúng cho cả họ nhà anh chết hết.

Những người làm chứng anh Nguyễn Như L, bà Đặng Thị X, anh Nguyễn Duy C, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 147, Điều 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T; Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị T và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết ly hôn cho chị và anh Nguyễn Như G. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35,

Điều 39 của BLTTDS năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu.

Tại phiên tòa hôm nay tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, họ đều đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 229 – BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Như G trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 1991 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị T và anh G đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau dẫn đến việc đánh cãi chửi nhau gây mất trật tự thôn xóm. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh G nên xin ly hôn anh G để giải thoát bản thân ổn định cuộc sống.

Anh G cũng xác định vợ chồng anh đã mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, bản thân anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T nhưng anh G vẫn không đồng ý ly hôn với chị T vì anh lo sợ chị T sẽ cúng cho cả họ nhà anh chết hết là điều hết sức phi lý, không chính đáng. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án thì thấy rằng tại các buổi hòa giải, các buổi ghi lời khai các đương sự tại TAND huyện Khoái Châu thì thấy rằng anh G còn có những cử chỉ, hành động thô lỗ, đe dọa chị T khiến cho chị T rất hoang mang, lo sợ.

Theo xác minh tại ban tư pháp, ban công an xã B và cơ sở thôn A, xã B nơi chị T và anh G đang sinh sống, cũng như những người thân trong gia đình anh chị thì thấy rằng quá trình chung sống chị T và anh G đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, có đánh, cãi, chửi nhau thậm chí là gây thương tích cho nhau khiến Công an phải vào cuộc can thiệp.

Từ những nhận định nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc cho chị T và anh G ly hôn là giải pháp để giải thoát cho cả hai tránh xảy ra xô xát không đáng có. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Các con chung của chị T và anh G đều đã khôn lớn trưởng thành, có gia đình riêng không còn phụ thuộc bố mẹ nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Chị T và anh G khẳng định không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Chị T và anh G đều có quan điểm sẽ tự thỏa thuận, giải quyết với nhau và không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp tại biên lai thu số 0001127 ngày 15/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên chị T đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 229 của BLTTDS 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Như G.

[3]. Về con chung, về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Tòa án không đặt ra xem xét ở trong vụ án ly hôn này.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001127 ngày 15/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên chị T đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí của mình.

[5]. Về quyền kháng cáo: Ân xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/5/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS K/C;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương